

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08.02.2018

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Điền
- *Hội thẩm nhân dân:*
 - 1/ Ông Nguyễn Văn Thảo
 - 2/ Bà Trần Thúy Kiên
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Kiều Oanh - Kiểm sát viên.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhàn - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T** sinh năm 1985
Trú tại: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Kiên Giang.
 2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh U** sinh năm 1982
Địa chỉ: khu vực N, phường G, quận T, thành phố Cần Thơ.
 3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*
Bà **Trần Thị Y** sinh năm 1952
Trú tại: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Kiên Giang.
 4. *Người có quyền, lợi ích được bảo vệ - con chung:*
Cháu **Nguyễn Thanh N** sinh ngày 13.10.2009
(Đang sống với chị T tại ấp V, xã H, huyện C, Kiên Giang; và do chị T làm người giám hộ).
- (Nguyên đơn có mặt; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 12.9.2017 và quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị với anh Nguyễn Thanh U tự nguyện yêu thương nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường G, quận T năm 2009. Sau khi cưới, vợ chồng làm thuê và sống tại thành phố X, tỉnh An Giang.

Quá trình chung sống vợ chồng hay cãi vã, không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh U không chỉ thú làm ăn, mà thường xuyên rượu trà. Chị có khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh U không thay đổi, sửa chữa nên từ tháng 9.2014 âm lịch thì vợ chồng ly thân, chị về ấp V, xã H, huyện C, Kiên Giang để sống ly thân với anh U từ đó đến nay, còn anh U hiện đang sống chung gia đình cha mẹ tại khu vực N, phường G, quận T, thành phố Cần Thơ.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh N sinh ngày 13.10.2009, đang sống với chị và bên ngoại.

Về tài sản chung: Chị yêu cầu tự thỏa thuận sử dụng với anh U, không yêu cầu tòa án giải quyết; Về nợ chung: Vợ chồng hiện còn nợ bà Trần Thị Y số tiền 34.500.000 đồng, chị yêu cầu tự thỏa thuận với bà Y, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Thời gian ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn đối với anh Nguyễn Thanh U.

- *Về con chung:* Chị yêu cầu được quyền nuôi con chung Nguyễn Thanh N sinh ngày 13.10.2009 đến trưởng thành, yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Chị yêu cầu tự thỏa thuận với bà Y, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08.12.2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Y trình bày:

Trước đây bà có cho vợ chồng chị T anh U vay/mượn tổng số tiền 34.500.000 đồng. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh U thì bà không yêu cầu đòi nợ mà đồng ý tự thỏa thuận với các đương sự. Nếu sau này không thỏa thuận được thì bà khởi kiện đòi nợ sau.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh U: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết công khai, hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý số 286/2017/TB.TLVA-HNGĐ ngày 25.10.2017; Các Thông báo hòa giải số 170/2017/TB.TA ngày 05.11.2017, số 181/2017/TB.TA ngày 08.12.2017 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2017 ngày 28.12.2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-DS ngày 15.01.2018 nhưng ông U vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên theo yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

. / Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng trình tự thủ tục luật định.

. / Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Thanh U; Ôn định cho chị T được quyền tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Thanh N sinh ngày 13.10.2009 đến trưởng thành, buộc anh U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Chị Nguyễn Thị T với anh Nguyễn Thanh U tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, quận T nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn nên chị T có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Thanh U đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng để triệu tập tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh U đều vắng mặt không lý do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 3 điều 228, điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân:*

Chị T và anh U chung sống từ năm 2009, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9.2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T thì do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay xảy ra cự cãi, anh U không chí thú làm ăn mà thường xuyên tham gia rượu trà, không quan tâm chăm sóc vợ con nên từ đầu tháng 9.2014 vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ kiện, chị T kiên quyết ly hôn; anh U đã được triệu tập hợp lệ để tham gia giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không thể hiện mong muốn hàn gắn lại quan hệ vợ chồng; Mặt khác, từ khi ly thân đến nay vợ chồng đã bỏ mặc mà không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Điều này cho thấy, tình trạng vợ chồng giữa chị T với anh U đã thật sự rạn nứt, thực tế hôn nhân đã chấm dứt, đời sống chung không thể tồn tại kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

[4] *Về con chung*: Chị T khai vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thanh N sinh ngày 13.10.2009, đang sống với chị T. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi hay con riêng nào khác. Điều này phù hợp với Giấy khai sinh của cháu N nên có căn cứ xác định cháu N là con chung của chị T và anh U là sự thật.

Chị T yêu cầu được nuôi con chung, điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu N yêu cầu được tiếp tục sống với chị T, bởi suốt thời gian qua và hiện nay cháu N vẫn liên tục sống cùng mẹ, được sự chăm sóc chu đáo từ chị T và gia đình bên ngoại nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng: Do anh U vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không thu thập chứng cứ về vấn đề này nhưng cần căn cứ vào điều kiện kinh tế thực tế để buộc anh U thực hiện nghĩa vụ này nên căn cứ mức lương tối thiểu 1.300.000 đồng/tháng (tại thời điểm xét xử) để buộc anh U thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên, khi mức cấp dưỡng không còn phù hợp với điều kiện thực tế thì đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung; không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Ngoài ra, khi người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự yêu cầu tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết;

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điều 147, điều 220, 27, 228 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 8, khoản 1 điều 9, điều 51, 53, 56, 81, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh U.

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh U.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị T được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 13.10.2009 đến trưởng thành. Anh Nguyễn Thanh U có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 605.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh U có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh U thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của các đương sự về yêu cầu tự thỏa thuận giải quyết tài sản chung và nợ chung. Trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo phiếu thu số 002467 ngày 23.10.2017 được chuyển thành án phí. Chị T đã nộp xong.

Về án phí cấp dưỡng: Anh Nguyễn Thanh U phải nộp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- THA Q. Thốt Nốt;
- UBND phường Thuận Hưng
(nơi đkkh);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thanh Điền